TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH** Bản án số: 65/2020/DS-ST Ngày 15 - 12 - 2020 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Hoàng.

Bà Hoàng Thị Thu Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14, 15 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1981; cư trú tại Khu phố x, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Anh Nguyễn Mạnh K, sinh năm 1997; cư trú tại ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (văn bản ủy quyền ngày 21/8/2020)

Chị Nguyễn Thụy Thúy A, sinh năm 1987; cư trú tại Khu phố y, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

(văn bản ủy quyền ngày 14/12/2020)

- *Bị đơn:*

1. Anh Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1979;

2. Chị Lê Kim D, sinh năm 1984;

Cùng cư trú tại ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị A có mặt; anh T, anh K, anh Q, chị D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2020 và lời khai có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh K và chị Nguyễn Thụy Thúy A trình bày:

Ngày 24/8/2017, do có mối quan hệ quen biết, thân tình nên vợ chồng anh Nguyễn Tiến Q và chị Lê Kim D có vay của anh Nguyễn Thanh T số tiền là 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng. Khi vay tiền của anh T, anh Q và chị D có ký giấy vay nợ và cam kết sẽ trả tiền gốc và lãi vay cho anh T theo hình thức trả góp định kỳ theo từng tháng, cụ thể: Vào ngày 01 hàng tháng, anh Q và chị D sẽ trả cho anh T số tiền là 4.586.000 đồng; thời gian trả nợ kỳ đầu tiên vào ngày 01/10/2017 và kỳ cuối cùng vào ngày 01/09/2019 (cam kết về kỳ hạn trả nợ gốc và lãi vay này có thể hiện trong phụ lục trả nợ của giấy vay nợ). Tuy nhiên, vợ chồng anh Q và chị D không thực hiện theo những gì đã cam kết với anh T, không trả đúng hạn nợ gốc và lãi vay theo như thỏa thuận ban đầu giữa hai bên. Anh T đã rất nhiều lần liên hệ, gặp mặt để đòi lại số tiền cho vay nhưng anh Q, chị D hứa hẹn rất nhiều lần rồi vẫn cố tình không trả lại tiền cho anh T.

Anh T yêu cầu anh Nguyễn Tiến Q và chị Lê Kim D trả cho anh T số tiền gốc 75.000.000 đồng và tiền lãi vay theo mức lãi suất quy định của pháp luật là 20%/năm từ ngày 01/10/2017 đến ngày 03/9/2020.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án anh Nguyễn Tiến Q trình bày:

Anh không có vay tiền của anh T. Trong thời gian anh nuôi bò cho anh T, anh T có cho vợ chồng anh mượn số tiền 75.000.000 đồng và hứa cho vợ chồng anh trả góp hàng tháng khoảng 3.000.000 đồng đến khi hết số tiền 75.000.000 đồng. Khi vợ chồng anh mượn tiền của anh T thì vợ chồng anh có ký giấy nợ cho anh T, không có thỏa thuận lãi suất, vợ chồng anh thỏa thuận trả dần hàng tháng bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi, trả dần trong vòng 24 tháng thì hết.

Vợ chồng anh có đóng được cho anh T vài tháng thì ngưng không đóng nữa. Quá trình đóng hàng tháng cho anh T, vợ chồng anh không có làm giấy tờ để chứng minh việc trả hàng tháng này.

Anh đồng ý trả cho anh T số tiền gốc 75.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả lãi vì tiền lãi anh đã trả cho anh T quá nhiều.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Lê Kim D đến để giải quyết vụ án nhưng chị Lê Kim D đều vắng mặt không rõ lý do cũng như không nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm. Đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, buộc anh Nguyễn Tiến Q và chị Lê Kim D trả cho anh T số tiền gốc 75.000.000 đồng và tiền lãi vay theo mức lãi suất quy định của pháp luật là 20%/năm từ ngày 01/10/2017 đến ngày 03/9/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Tiến Q và chị Lê Kim D trả cho anh T số tiền gốc 75.000.000 đồng và tiền lãi vay theo mức lãi suất quy định của pháp luật là 20%/năm từ ngày 01/10/2017 đến ngày 03/9/2020. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Mạnh K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa ngày 15 tháng 12 năm 2020 có đơn xin vắng mặt; anh Nguyễn Tiến Q và chị Lê Kim D là bị đơn đã được Tòa

án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, theo khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào giấy vay nợ ngày 24/8/2017 và phụ lục trả nợ (bút lục 44) và lời trình bày của anh K, chị A, anh Q thấy rằng: Vợ chồng anh Q chị D có vay của anh T số tiền là 75.000.000 đồng. Khi vay tiền của anh T, anh Q và chị D có ký giấy vay nợ và cam kết sẽ trả tiền gốc và lãi vay cho anh T theo hình thức trả góp định kỳ theo từng tháng, cụ thể: vào ngày 01 hàng tháng, anh Q và chị D sẽ trả cho anh T số tiền là 4.586.000 đồng; thời gian trả nợ kỳ đầu tiên vào ngày 01/10/2017 và kỳ cuối cùng vào ngày 01/09/2019. Giấy nợ không thể hiện lãi suất vay nhưng trong phụ lục trả nợ thể hiện vay có lãi với lãi suất 1,948%/tháng nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Do lãi suất theo thỏa thuận trong phụ lục vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 20%/năm nên ghi nhận. Anh Q trình bày có trả tiền được vài kỳ nhưng không có chứng cứ chứng minh nên lời trình bày của anh Q không có căn cứ. Các bên giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đến hạn trả tiền nhưng anh Q và chị D không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay. Do đó, căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc anh Q và chị D có nghĩa vụ liên đới trả cho anh T số tiền vay gốc là 75.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền vay gốc 75.000.000 đồng tính từ ngày 01/10/2017 đến ngày 03/9/2020 theo mức lãi suất 20%/năm, cụ thể là: Số tiền nợ gốc 75.000.000 đồng x 20%/365 x 1068 ngày = 43.890.411 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 118.890.411 (một trăm mười tám triệu tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một) đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 5.944.521 (năm triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi mốt) đồng, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T đối với anh Nguyễn Tiến Q và chị Lê Kim D.

Buộc anh Nguyễn Tiến Q và chị Lê Kim D có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Thanh T số tiền là 118.890.411 (một trăm mười tám triệu tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng, tiền lãi là 43.890.411 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Tiến Q và chị Lê Kim D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.944.521 (năm triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi mốt) đồng.

Anh Nguyễn Thanh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.751.600 (hai triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn sáu trăm) đồng theo biên lai thu số 0007365 ngày 07/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Thanh Hằng